

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỖ THỊ MỸ TRANG (*)

TÓM TẮT: Tự học đóng vai trò quyết định cho sự thành công trong học tập của sinh viên và cũng là yếu tố nền tảng cho việc học suốt đời. Có những điều chỉnh về phương pháp tự học phù hợp, nâng cao kỹ năng tự học của sinh viên là cần thiết đối với sinh viên nói chung và sinh viên Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Từ khóa: học tập chủ động, tự học.

ABSTRACT: Self - study skills determines success in students' learning and is also a fundamental factor for study in a lifetime. The adjustments for an appropriate study method and improving self - study skill of students are essential for students in general and for students of Ho Chi Minh city University of Technology and Education in particular.

Key words: active learning, self - study.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tự học đóng vai trò quan trọng trong học tập, nó là yếu tố cốt lõi để giúp sinh viên thành công. Khoa học kỹ thuật phát triển một cách nhanh chóng như hiện nay, kiến thức cũ sẽ được thay thế bởi ngày càng nhiều kiến thức mới, nhà trường - giáo viên chỉ cung cấp kiến thức cơ bản cốt lõi cho người học. Vì vậy, người học phải biết cách học để vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề và để có thể đáp ứng với sự thay đổi trong bối cảnh toàn cầu hiện nay. Như Isaac Asimov đã nói: "*Chỉ có thể bằng con đường tự học sinh viên mới có thể học hỏi được điều gì đó. Nhiệm vụ duy nhất của Nhà trường là tạo thuận lợi cho quá trình tự học. Nếu như không làm được điều này, Nhà trường sẽ đánh mất ý nghĩa tồn tại của mình*".

2. LÝ LUẬN VỀ TỰ HỌC VÀ KỸ NĂNG TỰ HỌC

Tự học đã và đang được nghiên cứu bởi nhiều tác giả trong nhiều năm qua, như là: Hiemstra & Sisco 1999; Knowles 1975; Owen.T.Ross 2002; Roberson 2005, v.v... Tự học bắt nguồn từ trong lĩnh vực giáo dục người trưởng thành (Roberson, 2005).

Nghiên cứu về tự học phù hợp với đối tượng sinh viên hơn những đối tượng khác, bởi vì sinh viên tự do trong học tập, học tập theo tín chỉ, tự đăng ký môn học cũng như tự quản lý thời gian của chính họ. Tự học được định nghĩa bởi nhiều tác giả, như là: sự học tập độc lập, tự lập kế hoạch học tập, học chủ động, tự giáo dục và v.v...

Roberson (2005) và Knowles (1975) đã định nghĩa tự học như là một tiến trình mà trong đó mỗi cá nhân có sự chủ động khi có hoặc không có sự giúp đỡ của người khác, xác định nhu cầu học tập, xác định mục tiêu học tập, nguồn tài nguyên, lựa chọn và thực hiện các chiến lược học tập phù hợp và đánh giá kết quả học tập. Brockett và Hiemstra (1991) cho rằng tự học liên quan đến một tiến trình mà tập trung vào người học đánh giá nhu cầu học tập của họ, gắn kết các nguồn lực và hoạt động học tập có liên quan, thực hiện các hoạt động học tập được lên kế hoạch và cuối cùng là đánh giá kết quả học tập của họ.

Ngoài ra, lý luận dạy học cũng đã khẳng định học tập là quá trình mà người học đóng vai trò chủ động để chiếm lĩnh tri thức, kỹ

(*) Thạc sĩ. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

năng, thái độ với sự chủ động, tự lực, tự giác. Hoạt động tự học xảy ra ngay cả trong lớp và ngoài lớp học khi có giáo viên hoặc không. Giáo viên thực hiện dạy học qua 3 giai đoạn: chuẩn bị dạy học, thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá (Trần Khánh Đức, 2002). Điều này cũng có nghĩa rằng người học cũng thực hiện học tập qua 3 giai đoạn là: 1) Trước khi đến lớp - chuẩn bị học tập thông qua các hoạt động như là: đọc tài liệu, đặt ra các câu hỏi phản biện, làm bài tập trước ở nhà, v.v..; 2) Trên lớp học: thực hiện bài học bằng các hoạt động như: ghi chép, tiếp thu - lưu giữ thông tin, v.v.. 3) Sau lớp học: sinh viên ôn lại bài học, làm bài tập về nhà và chuẩn bị thi cử.

Với nhiều định nghĩa đã đề cập trên cho thấy rằng đặc điểm chung của tự học là sự "tự thân" ở người học mà thể hiện qua sự học tập chủ động, tự lực, tự kiểm tra đánh giá học tập của chính mình. Tự học còn là quá trình học tập mà xảy ra cả khi có sự hiện diện của giáo viên hoặc không, cả trong lớp học và ngoài lớp.

Năng lực tự học được đánh giá thông qua các hoạt động học tập, thông qua kỹ năng học tập cơ bản như: kỹ năng đọc tài liệu, kỹ năng ghi chú/ghi chép, kỹ năng lựa chọn hình thức học tập, kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng chuẩn bị bài kiểm tra, kỹ năng quản lý thời gian... đây là những kỹ năng nền tảng, cốt lõi để giúp người học thực hiện tốt các nhiệm

vụ học tập.

3. KHẢO SÁT VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO MỘT SỐ KỸ NĂNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN SỰ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Kết quả khảo sát năm 2015 tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Khảo sát 359 sinh viên được chọn ngẫu nhiên trong 4.300 sinh viên chuyên ngành kỹ thuật của Khoa Đào tạo chất lượng cao của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, gồm 102 sinh viên năm nhất (chiếm 28%), 104 sinh viên năm 2 (chiếm 29%), 96 sinh viên năm 3 (chiếm 27%), và 57 sinh viên năm 4 (chiếm khoảng 16%).

Với bảng hỏi (được thiết kế dựa trên bảng hỏi đánh giá về kỹ năng tự học của Trường Đại học Central Florida và đã được điều chỉnh phù hợp với mục tiêu nghiên cứu) gồm 30 câu, với 5 mức độ lựa chọn: 1) Không bao giờ; 2) Hiếm khi; 3) thỉnh thoảng; 4) Thường xuyên; 5) Luôn luôn, qua phân tích 6 nhân tố là: đọc sách, ghi chú/ghi chép, lựa chọn hình thức học tập, ghi nhớ, chuẩn bị thi cử và quản lý thời gian. Kết quả khảo sát của 3 nhân tố: đọc sách, lựa chọn hình thức học tập và quản lý thời gian như sau.

3.1.1. Kỹ năng đọc sách, tài liệu tham khảo

Kết quả về Kỹ năng đọc sách, tài liệu tham khảo được thể hiện Bảng 1, Bảng 2.

Bảng 1: Thống kê điểm trung bình về kỹ năng đọc sách

	Mean	Minimum	Maximum	Range	Maximum/Minimum	Variance	N of Items
Item Means	3.418	2.903	3.574	.671	1.231	.084	5

Bảng 2: Tần số và tỷ lệ phần trăm lựa chọn của các câu hỏi về kỹ năng đọc sách

Valid		Item 1		Item 2		Item 3		Item 4		Item 5	
		Frequency (F)	Percent (P)	(F)	(P)	(F)	(P)	(F)	(P)	(F)	(P)
	1	8	2.2	29	8.1	6	1.7	4	1.1	6	1.7
	2	33	9.2	83	23.1	29	8.1	47	13.1	34	9.5
	3	117	32.6	158	44.0	132	36.8	118	32.9	129	35.9
	4	147	40.9	72	20.1	140	39.0	146	40.7	137	38.2
	5	54	15.0	17	4.7	52	14.5	44	12.3	53	14.8
	Total	359	100.0	359	100.0	359	100.0	359	100.0	359	100.0

Kết quả ở 2 bảng trên có thể kết luận rằng kỹ năng đọc sách của sinh viên đạt ở mức trung bình khá, Mean=3.418; Variance=0.84. Khoảng cách giữa điểm min và max khá rộng 0.674, cho thấy vẫn còn một số sinh viên có kỹ năng đọc sách trung bình thấp (minimum=2.903). Xét tần số lựa chọn

ở từng câu hỏi, tỷ lệ sinh viên lựa chọn đáp án trả lời câu 2 ở mức 1, 2 rất cao, hơn 30%, dấu hiệu này cho thấy nhiều sinh viên thiếu sự định hướng khi đọc sách.

3.1.2. Kỹ năng lựa chọn hình thức học tập

Kết quả về Lựa chọn hình thức học tập được thể hiện Bảng 3, Bảng 4.

Bảng 3: Thống kê điểm trung bình về kỹ năng lựa chọn hình thức học tập

	Mean	Minimum	Maximum	Range	Maximum / Minimum	Variance	N of Items
Item Means	3.646	2.983	4.014	1.031	1.345	.198	5

Bảng 4: Tần số và tỷ lệ phần trăm lựa chọn của các câu hỏi về kỹ năng lựa chọn hình thức học tập

Valid		Item 11		Item 12		Item 13		Item 14		Item 15	
		Frequency (F)	Percent (P)	(F)	(P)	(F)	(P)	(F)	(P)	(F)	(P)
	1	4	1.1	8	2.2	4	1.1	13	3.6	26	7.2
	2	22	6.1	18	5.0	28	7.8	40	11.1	80	22.3
	3	75	20.9	82	22.8	64	17.8	141	39.3	150	41.8
	4	148	41.2	144	40.1	126	35.1	124	34.5	80	22.3
	5	110	30.6	107	29.8	137	38.2	41	11.4	23	6.4
	Total	359	100.0	359	100.0	359	100.0	359	100.0	359	100.0

Kết quả từ Bảng 3 và 4 chỉ ra rằng kỹ năng lựa chọn hình thức học tập của sinh viên đạt mức khá, Mean=3.646, điều này có thể hiểu được một cách dễ dàng là vì sinh viên đã được học tập trong khoảng thời gian dài trong cuộc đời của họ, vì vậy họ đã lựa chọn được cho mình hình thức học phù hợp. Tuy nhiên, Variance = 0.198, khoảng cách giữa giá trị min và max khá lớn, điều này

cũng cho thấy có sinh viên thật sự đã thực hiện tốt kỹ năng này, nhưng cũng còn sinh viên chỉ đạt mức trung bình. Ở câu khảo sát số 15, tần số sinh viên lựa chọn mức thấp khoảng 30%, sinh viên thực sự chưa biết cách xác định khoảng thời gian cho tự học.

3.1.3. Kỹ năng quản lý thời gian

Kết quả về Kỹ năng quản lý thời gian được thể hiện qua Bảng 5, Bảng 6.

Bảng 5: Thống kê điểm trung bình về kỹ năng quản lý thời gian

	Mean	Minimum	Maximum	Range	Maximum / Minimum	Variance	N of Items
Item Means	3.354	3.061	3.630	.568	1.186	.062	5

Bảng 6: Tần số và tỷ lệ phần trăm lựa chọn của các câu hỏi về kỹ năng quản lý thời gian

Valid		Item 26		Item 27		Item 28		Item 29		Item 30	
		Frequency (F)	Percent (P)	(F)	(P)	(F)	(P)	(F)	(P)	(F)	(P)
	1	13	3.6	19	5.3	6	1.7	4	1.1	9	2.5
	2	85	23.7	63	17.5	34	9.5	53	14.8	44	12.3
	3	154	42.9	158	44.0	111	30.9	126	35.1	109	30.4
	4	81	22.6	93	25.9	144	40.1	134	37.3	145	40.4
	5	26	7.2	26	7.2	64	17.8	42	11.7	52	14.5
	Total	359	100.0	359	100.0	359	100.0	359	100.0	359	100.0

Như những kỹ năng học tập đã trình bày ở trên, kỹ năng quản lý thời gian của sinh viên đạt mức trung bình khá, Mean= 3.354 Variance= 0.62. Quan sát tần số lựa chọn ở các câu hỏi cho thấy khoảng hơn 20% sinh viên chưa thực hiện tốt ở việc sắp xếp và theo dõi tiến độ các công việc cần làm.

3.2. Biện pháp đề xuất

+ *Kỹ năng đọc sách, tài liệu tham khảo.* Giáo viên nên hướng dẫn sinh viên xác định mục tiêu trước khi đọc sách, và xác định một số câu hỏi về những điều họ muốn tìm kiếm từ quyển sách; Giáo viên có thể hướng dẫn sinh viên đọc sách theo phương pháp SQ3R của giáo sư Francis P. Robinson giới thiệu vào năm 1946 ở Đại học Bang Ohio mà hiện nay được nhiều người biết đến (S: Survey- Quan sát tổng thể: nhìn tổng thể (lướt qua) vấn đề mà sinh viên sắp đọc trước khi đi vào chi tiết; Q: Question - **Đặt câu hỏi:** Những vấn đề quan trọng mà sinh viên cần phải học thường chính là câu trả lời cho những câu hỏi. Câu hỏi nên tập trung vào nội dung học - Cái gì, tại sao, bằng cách nào, người nào, khi nào và ở đâu; R: Read - Đọc: sinh viên đọc một cách chủ động để trả lời câu hỏi; R:

Recall - Gợi nhớ lại/ học lại những điều đã đọc; R: Review - Ôn tập: xem lại những điều đã đọc và ghi chép được để đánh giá xem mình đã đọc được những gì).

+ *Kỹ năng lựa chọn hình thức học tập.* Giảng viên nên hướng dẫn sinh viên xác định khoảng thời gian tự học, thông thường 1 tiết học trên lớp bằng 2 tiết học ở nhà: $t=2*n$ (t: thời gian tự học, n: thời gian học trên lớp của môn học. Theo giáo sư Trịnh Quang Từ, 1996, ông đưa ra cách xác định thời gian tự học như sau: $t = K*n$, K số năm học mà sinh viên đã học, ví dụ: sinh viên năm nhất, $K = 1$; giảng viên giúp sinh viên xác định kiểu học (phong cách học) để lựa chọn phương pháp học tập phù hợp.

+ *Kỹ năng quản lý thời gian.* Giảng viên nên hướng dẫn sinh viên: đánh giá sự khó khăn của công việc; lập danh sách các công việc phải làm, lập thời gian biểu cho mỗi ngày; chia nhỏ công việc có thể quản lý được, bắt đầu từ những việc làm nhỏ, và xác định thời hạn cho chúng; sắp xếp công việc ưu tiên theo mức độ quan trọng, tránh dành quá nhiều thời gian cho công việc mà mình không thành thạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Khánh Đức (2002), *Sự phạm kỹ thuật*, Nxb. Giáo dục.
2. Hammond, M. & Collins, R. (1991). *Self-Directed Learning: Critical Practice*. London: Kogan Page Limited.
3. Kirwan, J. R., Lounsbury, J., & Gibson, L. (2010), *Self-Directed Learning and Personality: The Big Five and Narrow Personality Traits in Relation to Learner Self-Direction*, International Journal of Self-Directed Learning, 7(2), 21-34.
4. Knowles, M. S. (1975). *Self-Directed Learning*. New York, NY: Association Press.
5. The Learning Guide, Cardiff Centre For Lifelong Learning, www.cardiff.ac.uk/learn.
6. Owen, T. Ross. (2002), *Self-Directed Learning in Adulthood: A Literature Review*, ERIC document No. ED461050.
7. Roberson, D. (2005), *Self-direct Learning: Past and Present*, ERIC document No. ED490435.

Ngày nhận bài: 14/03/2016. Ngày biên tập xong: 10/05/2016. Duyệt đăng: 17/05/2016